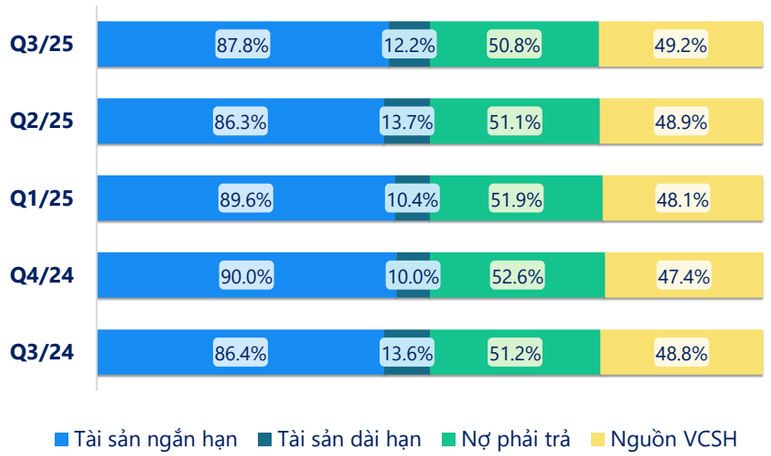
FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	23,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,935
SL cổ phiếu LH	979,809,379
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,991,530
% sở hữu nước ngoài	9.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	22,977
P/E	40.3
EPS	582

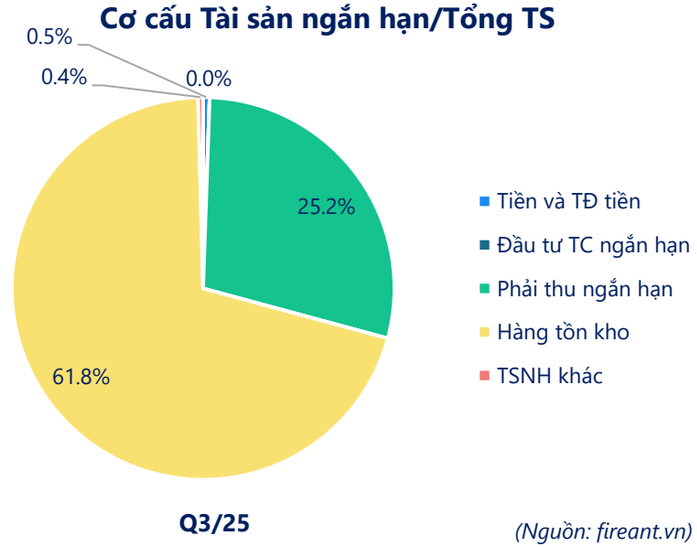
	YTD	1T	3T	6T
PDR	22.3%	-10.7%	41.9%	30.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



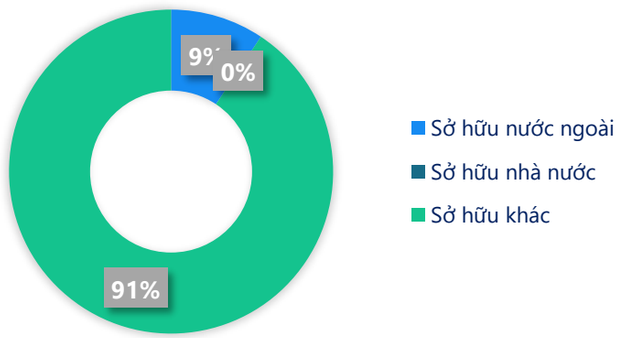
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



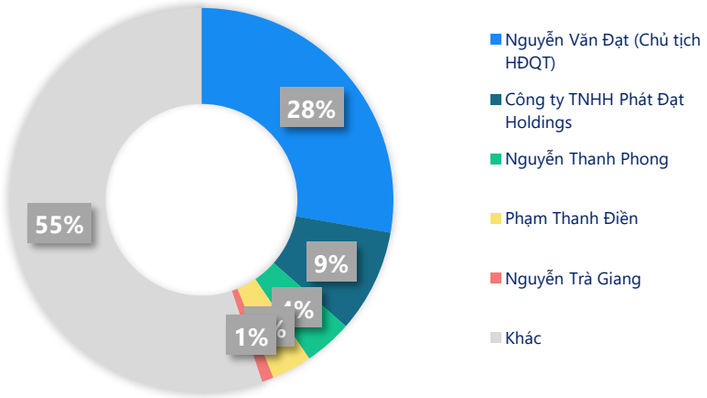
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



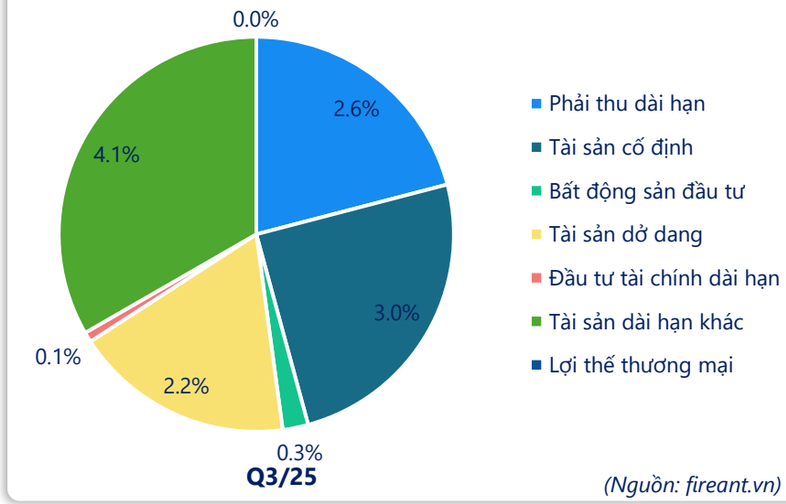
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

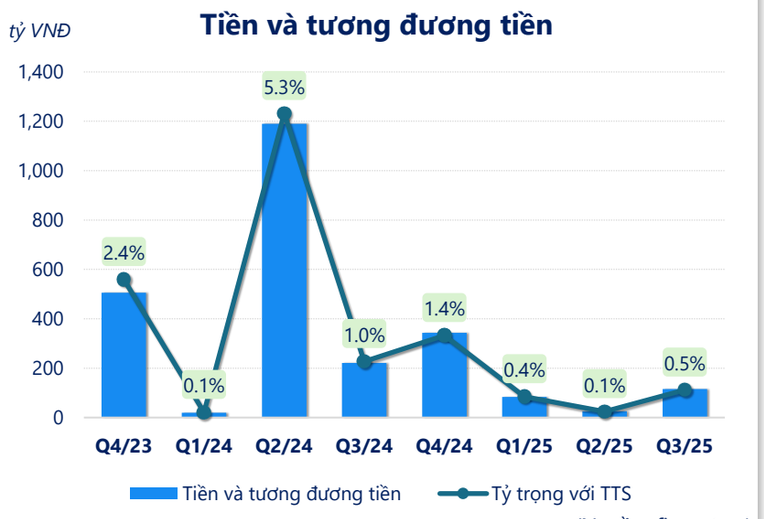


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

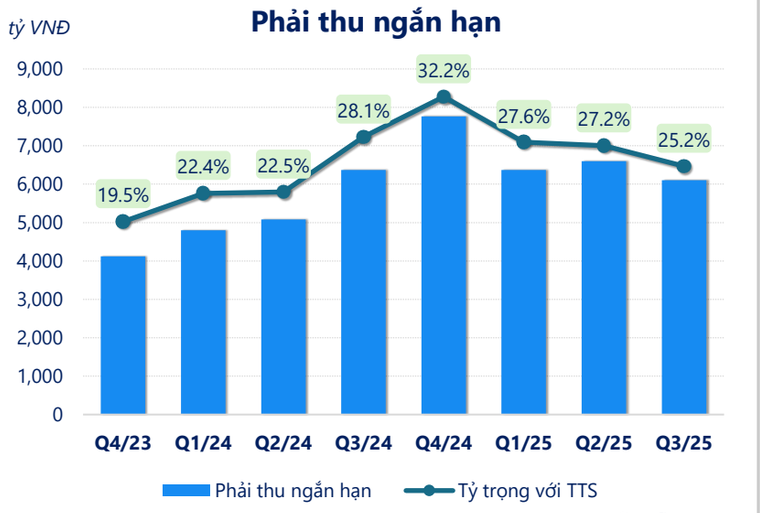
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



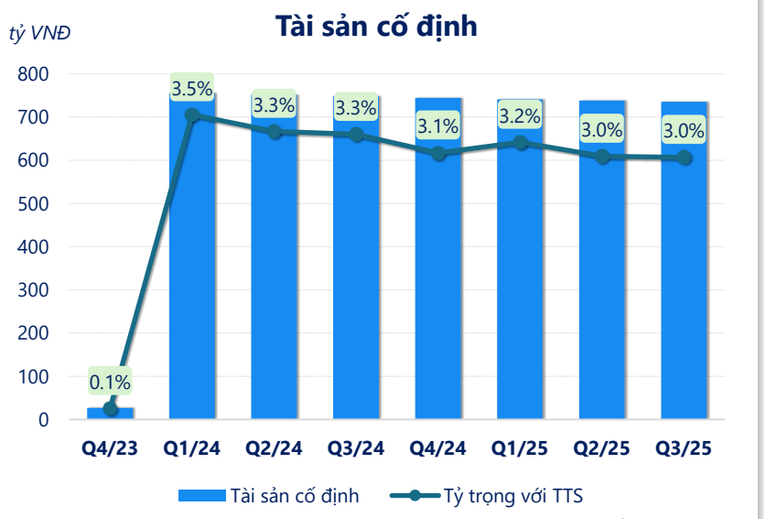
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



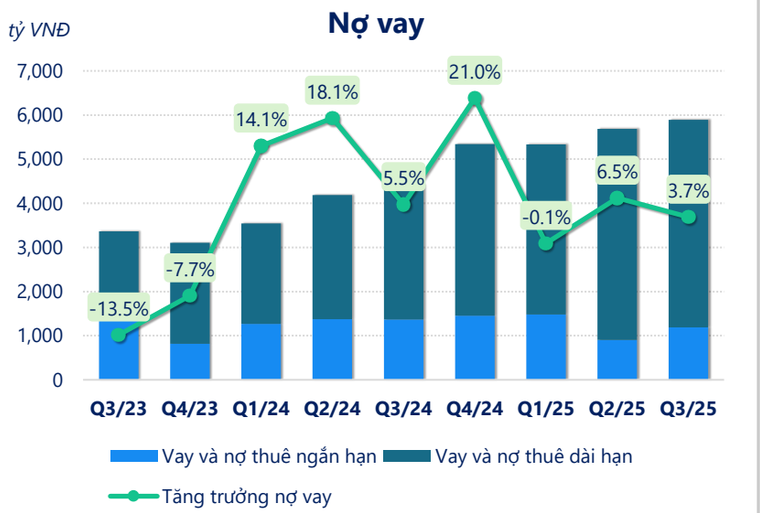
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



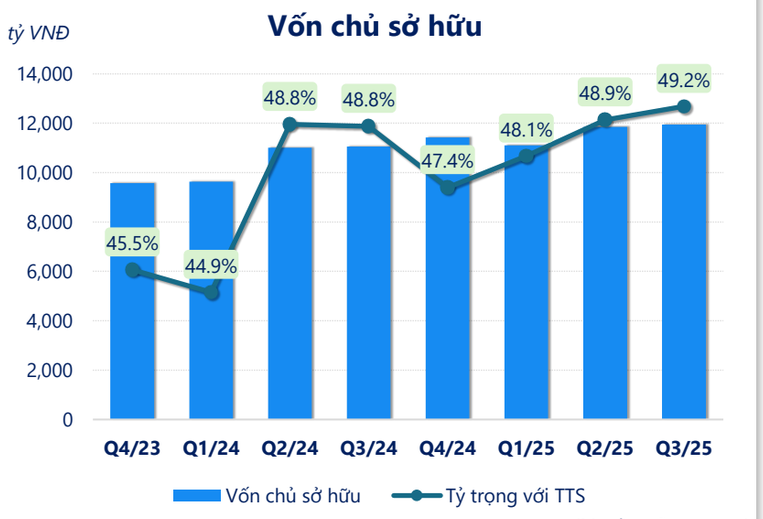
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

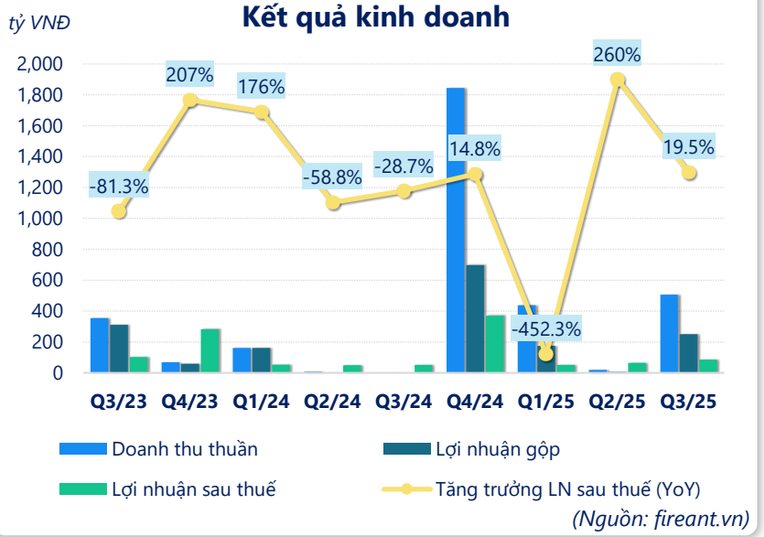
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

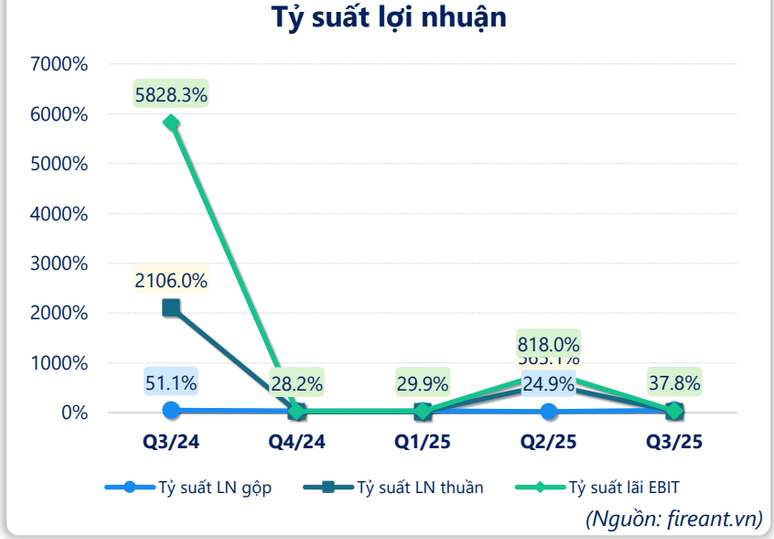
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Kết quả kinh doanh



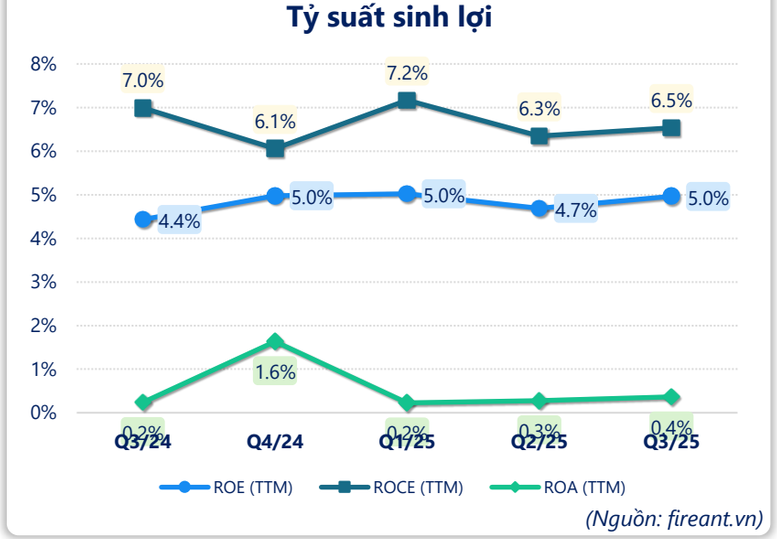
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



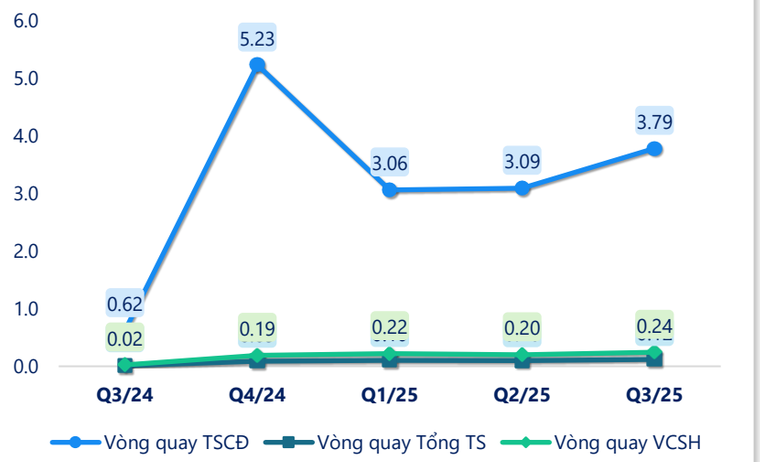
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



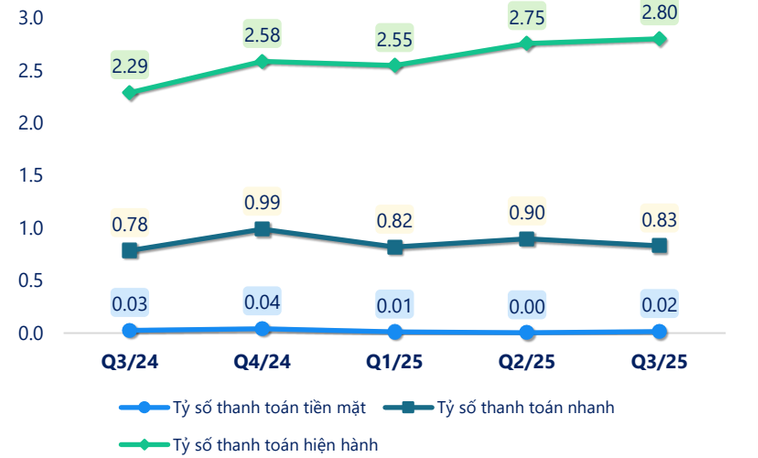
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



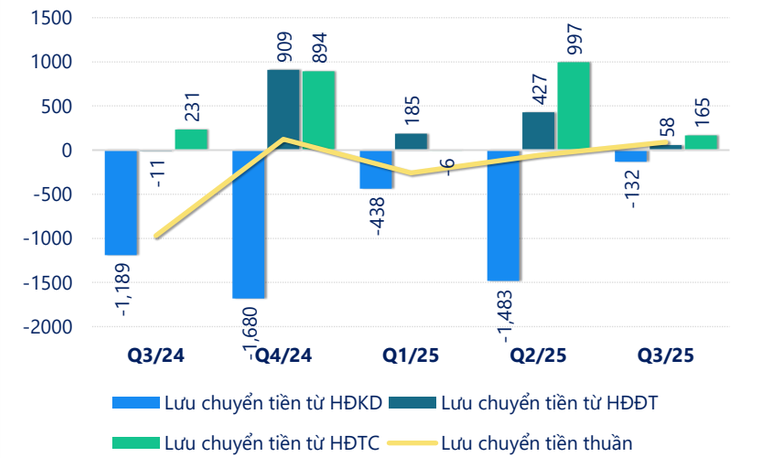
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**24,246**	**23,986**	**1.1%**
Tài sản ngắn hạn	21,282	21,483	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	116	344	-66.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	115	-100%
Phải thu ngắn hạn	6,099	6,861	-11.1%
Hàng tồn kho	14,977	14,078	6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	88.9	85.2	4.4%
Tài sản dài hạn	**2,964**	**2,503**	**18.4%**
Phải thu dài hạn	621	38.7	1503%
Tài sản cố định	736	744	-1.1%
Bất động sản đầu tư	62.1	63.2	-1.8%
Tài sản dở dang	533	533	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	24.4	38.0	-35.8%
Tài sản dài hạn khác	**987**	**1,085**	**-9.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12,305	12,927	-4.8%
Nợ ngắn hạn	**7,602**	**8,562**	**-11.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,189	1,383	-14.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	121	348	-65.3%
Nợ dài hạn	4,703	4,365	7.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,703	3,961	18.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,941**	**11,059**	**8.0%**
Vốn chủ sở hữu	**11,941**	**11,059**	**8.0%**
Vốn điều lệ	9,798	8,731	12.2%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2.63	1,844	438	19.9	507
Giá vốn hàng bán	1.28	1,147	263	15.0	256
Lợi nhuận gộp	1.34	697	175	4.95	250
Doanh thu HĐTC	194	3.73	1.88	226	1.76
Chi phí TC	74.5	107	67.0	63.9	74.3
Chi phí lãi vay	74.4	72.0	66.8	62.0	74.2
LN trong công ty LKLD	-17.2	-15.8	-0.02	-13.0	-0.01
Chi phí bán hàng	4.33	59.3	6.59	1.28	7.31
Chi phí QLDN	44.0	64.1	38.7	40.1	46.7
LN thuần từ HĐKD	55.3	455	64.6	113	124
Lợi nhuận khác	23.4	-7.06	-0.38	-11.6	-6.35
LN trước thuế	78.7	448	64.2	101	117
Lợi nhuận sau thuế	51.2	369	50.6	64.9	85.8
LNST của CĐ cty mẹ	51.2	369	50.6	64.9	85.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,189	-1,680	-438	-1,483	-132
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.0	909	185	427	57.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	231	894	-6.37	997	165
Tiền đầu kỳ	1,190	221	344	84.0	25.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-969**	**123**	**-260**	**-58.8**	**90.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	221	344	84.0	25.2	116

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic